

VĂN HÓA ỨNG XỬ TRONG KHÔNG GIAN VĂN HÓA QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

TS. Trần Công Trục

I. Người Việt Nam đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa như thế nào?

Nét đẹp trong văn hóa ứng xử của người Việt đã được chứng minh rất rõ nét trong lịch sử chiếm hữu và thực thi chủ quyền của mình đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở giữa Biển Đông. Như mọi người đều biết, Việt Nam hoàn toàn có chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa. Chủ quyền của Việt Nam đã được xác lập phù hợp với phương thức thụ đắc lãnh thổ của luật pháp và thực tiễn quốc tế hiện hành, không phải do cưỡng chiếm bằng súng đạn, bằng những thủ đoạn giả man, độc ác phi pháp và vô nhân đạo... Đây là nét ứng xử văn hóa đầu tiên cần được khẳng định và làm sáng tỏ trong quá trình nghiên cứu về văn hóa ứng xử của người VN trên một vùng lãnh thổ mà do vị trí địa lý, địa - chiến lược, địa - chính trị, địa - kinh tế,... đã luôn tồn tại trong lịch sử những biến cố phức tạp do một số nước đã nhay vào tranh chấp chủ quyền lãnh thổ với Việt Nam dưới những hình thức và mức độ khác nhau.

Phương thức thụ đắc lãnh thổ của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là theo **nguyên tắc chiếm hữu thật sự**: “Nhà nước Việt Nam là nhà nước đầu tiên trong lịch sử đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền của mình đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, khi chúng còn là đất vô chủ, ít nhất là từ thế kỷ XVII. Việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền này là thật sự, liên tục, hòa bình và rõ ràng.

Việt Nam hoàn toàn có cơ sở pháp lý và chứng cứ lịch sử có giá trị pháp lý để khẳng định và bảo vệ chủ quyền hợp pháp của mình, đáp ứng đủ những điều kiện mà nguyên tắc chiếm hữu thật sự đòi hỏi”.

II. Với tư cách là chủ nhân của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, người Việt Nam đã làm gì và đã ứng xử như thế nào trước thiên tai, địch họa thường xuyên rình rập ở nơi đầu sóng ngọn gió này?

1. Trước hết, phải kể đến cách hành xử của Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử trong việc chiếm hữu và thực thi quyền hạn của mình đối với 2 quần đảo này.

a. Nhà nước phong kiến Việt Nam suốt trong 3 thế kỷ, từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, dù trải qua 3 triều đại khác nhau, đều đã thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình, với tư cách là Nhà nước Đại Việt, tiến hành chiếm hữu và thực thi chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa:

Nhà nước Đại Việt thời chúa Nguyễn: chứng cứ lịch sử có giá trị pháp lý chứng minh việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, đó là sự ra đời và hoạt động thường xuyên, liên tục của Đội Hoàng Sa, một tổ chức do nhà nước lập ra để đi quản lý, bảo vệ, khai thác 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đội Hoàng Sa, về sau lập thêm Đội Bắc Hải do Đội Hoàng Sa kiêm quản, đã hoạt động theo lệnh của 7 đời chúa, từ chúa Nguyễn Phúc Lan hay Nguyễn Phúc Tần cho đến khi phong trào Tây Sơn nổi dậy.

Nhà nước Đại Việt thời Tây Sơn: trong thời gian từ 1771 đến năm 1801, gần như lúc nào cũng có chiến tranh, trên đất liền cũng như ngoài biển Đông. Tuy nhiên, các lực lượng của Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh, Tây Sơn đã làm chủ được từng khu vực lãnh thổ thuộc phạm vi quản lý của mình.

Từ năm 1773, Tây Sơn chiếm được cảng Quy Nhơn, tiến về phía Quảng Nam, kiểm soát đến Bình Sơn, Quảng Ngãi, nơi có cửa biển Sa Kỳ và Cù lao Ré, căn cứ xuất phát của Đội Hoàng Sa.

Năm 1775, phường Cù lao Ré thuộc xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi đã nộp đơn xin cho phép Đội Hoàng Sa và Đội Quế Hương hoạt động trở lại theo thông lệ.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng Hoàng đế, chính quyền Tây Sơn được củng cố một cách hoàn chỉnh và năm 1786, đã ra quyết định sai phái Hội Đức hầu, cai đội Hoàng Sa, chỉ huy 4 chiếc thuyền câu vượt biển ra Hoàng Sa làm nhiệm vụ như cũ. Ngoài ra còn có các đội Quế Hương, Đại Mạo, Hải Ba cũng được giao nhiệm vụ hoạt động trong biển Đông.

Nhà nước Việt Nam thời nhà Nguyễn tiếp tục sử dụng đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa: Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, thống nhất đất nước, tuy bận việc nội trị, vẫn tiếp tục quan tâm đến việc bảo vệ, quản lý và khai thác khu vực 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 7 năm 1803, vua Gia Long cho lập lại đội Hoàng Sa: lấy cai cơ Võ Văn Phú làm thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa (theo Đại Nam Thực lục chính biên đệ nhất kỷ, quyển 12)

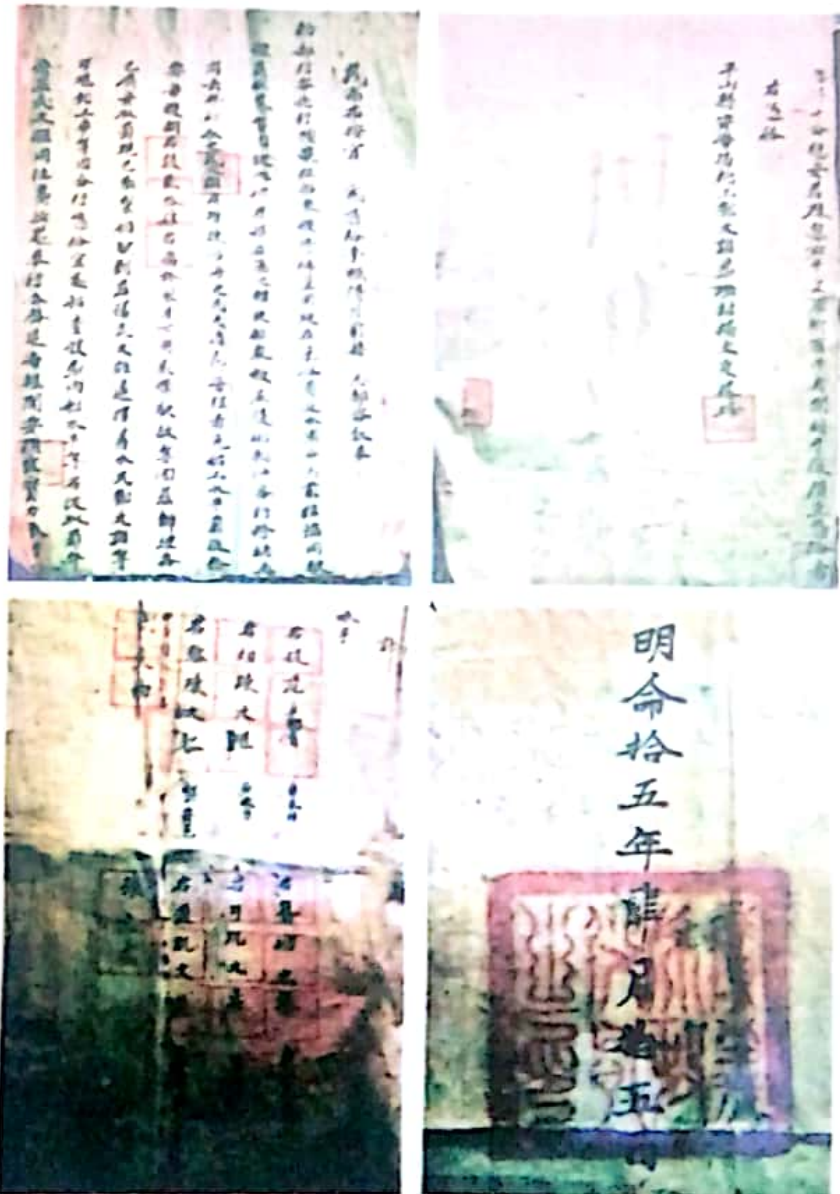
Tháng Giêng năm Ất Hợi (1815) vua Gia Long quyết định: sai bọn Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa xem xét đo đạc thủy trình... (Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ, q.50, tờ 6a).

Sang đời Minh Mạng, việc đo đạc thủy trình chủ yếu giao cho thủy quân thực hiện...

Năm 1833, 1834, 1836, Minh Mạng đã chỉ thị cho Bộ Công phái người ra Hoàng Sa để dựng bia chủ quyền, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ...: mỗi thuyền vãng thám Hoàng Sa phải đem theo 10 tấm bài gỗ dài 4, 5 thước, rộng 5 tấc, "Vua Minh Mạng đã chuẩn y lời tâu của Bộ Công sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền đi, đem theo 10 cái bài gỗ dựng làm dấu mốc...



Như vậy, suốt từ thời chúa Nguyễn đến thời nhà Nguyễn, đội Hoàng Sa, kiêm quản đội Bắc Hải, đã đi làm nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Những hoạt động này đã được các văn bản nhà nước ghi nhận, như: Châu bản của triều đình nhà Nguyễn, các văn bản của chính quyền địa phương như tờ lệnh, tờ tư, bằng cấp,... hiện đang được lưu trữ tại các Cơ quan lưu trữ nhà nước.



Trong giai đoạn lịch sử này, có một chứng cứ hết sức quan trọng không thể không đề cập đến khi chứng minh nhà nước phong kiến Việt Nam đã quản lý thật sự, hiệu quả đối với 2 quần đảo này. Đó là

việc tổ chức đơn vị hành chính của Hoàng Sa trong hệ thống tổ chức hành chính của nhà nước lúc bấy giờ. Thời chúa Nguyễn, Hoàng Sa thuộc Thừa tuyên Quảng Nam hay Quảng Nghĩa (Ngãi), lúc là phủ khi thì trấn; “Bãi Cát vàng trong phủ Quảng Nghĩa” (Toàn tập Thiên nam Tứ chí lộ đồ thư); “Hoàng Sa ở phủ Quảng Nghĩa (thuộc dinh Quảng Nam, huyện Bình Sơn, xã An Vĩnh” (Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn); sang thời Tây Sơn, phủ Quảng Nghĩa đổi thành phủ Hòa Nghĩa. Thời nhà Nguyễn, Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

b. Với tư cách là đại diện Nhà nước Việt Nam về đối ngoại, Cộng hòa Pháp đã tiếp tục thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa:

Theo Hiệp ước Patenotre năm 1884, Chính quyền thuộc địa Pháp đã tiến hành các hoạt động đại diện cho Nhà nước Việt Nam trong việc tiếp tục bảo vệ, quản lý và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, sau đây là một số hoạt động chủ yếu, có giá trị pháp lý:

Sau một thời gian tổ chức các cuộc nghiên cứu, khảo sát tại thực địa của các nhà khoa học và những cuộc trao đổi giữa những chính khách Pháp có liên quan đến quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, ngày 8 tháng 3 năm 1925, Toàn quyền Đông Dương đã tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là bộ phận lãnh thổ thuộc địa của Pháp. Ngày 19 tháng 3 năm 1926, Thống đốc Nam Kỳ cấp giấy phép nghiên cứu mỏ ở đảo Trường Sa cho Công ty phốt phát của Bắc kỳ.

Ngày 13 tháng 4 năm 1930, Thông báo hạm Malicieuse do thuyền trưởng De Lattre điều khiển ra quần đảo Trường Sa theo chỉ thị của Toàn quyền Đông Dương dựng bia chủ quyền, đóng giữ đảo Trường Sa và các đảo, đá, bãi phụ thuộc. Ngày 23 tháng 9 năm 1930, Chính phủ Pháp gửi thông báo ngoại giao cho các cường quốc về sự kiện đóng giữ quần đảo Trường Sa theo đúng thủ tục.

Ngày 31 tháng 12 năm 1930, Phòng đối ngoại Phủ Toàn quyền Đông Dương gửi báo cáo lên Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp

về những hoạt động đóng giữ đảo Trường Sa và các đảo phụ cận, cũng như các tư liệu khảo cứu về pháp lý bảo vệ cho sự kiện đóng giữ này.

Ngày 11 tháng 01 năm 1931, Thống sứ Nam kỳ thông báo cho Toàn quyền Đông Dương về việc sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa.

Ngày 4 tháng 1 năm 1932, Chính phủ Pháp gửi Công hàm tới Công sứ Trung Quốc tại Paris khẳng định chủ quyền của Pháp đối với Hoàng Sa và đề nghị giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán hữu nghị hoặc bằng phương thức Trọng tài quốc tế. Trung Quốc từ chối đề nghị này với lập luận rằng khi vua Gia Long chiếm hữu quần đảo này, Việt Nam là chủ hầu của Trung Quốc.

Ngày 21 tháng 12 năm 1933, Thống đốc Nam Kỳ J.Krautheimer ký Nghị định số 4762-CP sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa.

Ngày 18 tháng 2 năm 1937, Pháp lại chính thức yêu cầu Trung Quốc áp dụng phương thức Trọng tài quốc tế để xác định chủ quyền quần đảo Hoàng Sa, Trung Quốc lại khước từ.

Ngày 26 tháng 11 năm 1937, Pháp phái kỹ sư trưởng J Gauthier ra Hoàng Sa để nghiên cứu tìm địa điểm xây dựng đèn biển, bãi đỗ cho thủy phi cơ, nghiên cứu các điều kiện định cư ở quần đảo này.

Năm 1938, Pháp phái các đơn vị bảo an đến đồn trú trên các đảo và xây dựng một hải đăng, một trạm khí tượng được Tổ chức khí tượng thế giới cho đăng ký với số hiệu là 48859 ở đảo Phú Lâm, một trạm vô tuyến điện TSF trên đảo Hoàng Sa.

Ngày 15 tháng 6 năm 1938, Pháp xây xong trạm khí tượng ở đảo Ba Bình, quần đảo Trường Sa.

Ngày 30 tháng 3 năm 1938, vua Bảo Đại ký Dụ số 10 sáp nhập Hoàng Sa vào tỉnh Thừa Thiên thay vì Nam Ngãi trước đây.

Ngày 15 tháng 6 năm 1938, Toàn quyền Đông Dương Jules Brevie ký Nghị định 156-S-V thành lập đơn vị hành chính cho quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Tháng 6 năm 1938, một đơn vị lính bảo an Việt Nam được phái ra đồn trú tại quần đảo Hoàng Sa. Một bia chủ quyền đã được dựng tại đảo Hoàng Sa có khắc dòng chữ: "Republique Francaise – Empire d'Annam – Achipel de Paracel 1816 - Ile de Pattle 1938".

Trong Chiến tranh Thế giới lần thứ 2, Nhật bản tuyên bố sáp nhập các quần đảo trong Biển Đông vào các vùng lãnh thổ mà Nhật đã chiếm đóng. Ngày 4 tháng 4 năm 1939, Chính phủ Pháp gửi Công hàm phản đối các quyết định nói trên của Nhật và bảo lưu quyền của Pháp tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 5 tháng 5 năm 1939, Toàn quyền Đông Dương J. Brevie ký Nghị định số 3282 tách đơn vị hành chính Hoàng Sa thành 2 đơn vị: "Croissant và các đảo phụ thuộc", "Amphitrite và các đảo phụ thuộc".

Ngày 26 tháng 11 năm 1943, Tuyên bố Cairo về việc kết thúc chiến tranh với Nhật và giải quyết các vấn đề sau chiến tranh, trong đó có vấn đề lãnh thổ nước khác bị Nhật chiếm đóng từ khi bắt đầu cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ 1 năm 1914..."

Ngày 26 tháng 7 năm 1945, Tuyên bố Posdam khẳng định các điều khoản của Tuyên bố Cairo sẽ được thực hiện.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật thua trận phải rút khỏi Đông Dương và ngày 26 tháng 8 năm 1945, quân đội Nhật phải rút khỏi quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

c. Việc thực thi chủ quyền của Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975:

Trong hoàn cảnh lịch sử cuối năm 1946 đầu năm 1947, mặc dù Việt Nam đã tuyên bố độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945, không còn ràng buộc vào Hiệp định Patenotre 1884, song Pháp cho rằng theo Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn nằm trong khối Liên hiệp Pháp, về ngoại giao vẫn thuộc Pháp, nên Pháp có nhiệm vụ thực thi quyền đại diện Việt Nam trong vấn đề chống lại mọi xâm phạm chủ quyền của Việt nam tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Theo Hiệp định ngày 8 tháng 3 năm 1949, Pháp dựng nên chính quyền thân Pháp, gọi là Quốc gia Việt Nam do cựu hoàng Bảo Đại đứng đầu; tuy nhiên, trong thực tế quân đội Pháp vẫn làm chủ biển Đông, trong đó có 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1949, Tổ chức khí tượng thế giới (OMM: Organisation Mondiale de Meteorologie) đã chấp nhận đơn xin đăng ký danh sách các trạm khí tượng do Pháp xây dựng tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa vào danh sách các trạm khí tượng thế giới: Trạm Phú Lâm, số hiệu 48859, Trạm Hoàng Sa số 48860, Trạm Ba Bình số 48419.

Ngày 8 tháng 3 năm 1949, Pháp ký với Bảo Đại Hiệp định Hạ Long trao trả độc lập cho chính phủ Bảo Đại, tháng 4, Hoàng thân Bửu Lộc, tuyên bố khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa.

Ngày 14 tháng 10 năm 1950, Tổng trấn Trung phần Phan Văn Giáo đã chủ trì việc bàn giao quản lý quần đảo Hoàng Sa giữa Chính phủ Pháp và Chính phủ Bảo Đại.

Từ 5 tháng 9 đến 8 tháng 9 năm 1951, Hội nghị San Francisco có đại diện của 51 nước tham dự để ký kết Hòa ước với Nhật. Tại phiên họp toàn thể mở rộng, ngày 5 tháng 9, với 48 phiếu chống, 3 phiếu thuận, đã bác bỏ đề nghị của ngoại trưởng Gromyco (Liên Xô cũ) về việc tu chỉnh khoản 13 của Dự thảo Hòa ước, trong đó có nội dung: Nhật thừa nhận chủ quyền của CHND Trung Hoa đối với quần đảo Hoàng Sa và những đảo xa hơn nữa về phía Nam.

Ngày 7 tháng 9 năm 1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng của Chính phủ Quốc gia Việt Nam Trần Văn Hữu đã long trọng tuyên bố hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt nam: "et comme il faut franchement profiter de toutes occasions pour étouffer les germes de discorde, nous affirmons nos droits sur les îles de Spratley et de Paracel qui de tout temps ont fait partie du Vietnam". Không một đại biểu nào trong Hội nghị này có bình luận gì về tuyên bố này. Ngày 8 tháng 9 năm 1951, Hòa ước với Nhật

được ký kết. Điều 2, Đoạn 7, của Hòa ước đã ghi rõ: “Nhật bản từ bỏ chủ quyền, danh nghĩa và tham vọng đối với các quần đảo Paracel và Sprathly” (khoản f).

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Geneve được ký kết đã công nhận một nước có nền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất. Điều 1 của Hiệp định đã quy định lấy sông Bến Hải (vĩ tuyến 17) làm giới tuyến tạm thời để phân chia quyền quản lý lãnh thổ giữa 2 miền Nam Bắc Việt Nam. Giới tuyến tạm thời này cũng được kéo dài bằng một đường thẳng từ bờ biển ra ngoài khơi (Điều 4). Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm dưới vĩ tuyến 17 nên thuộc quyền quản lý của chính quyền miền Nam Việt Nam.

Tháng 4 năm 1956, khi quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi Đông Dương, quân đội Quốc gia Việt Nam, về sau là Việt Nam Cộng hòa, đã ra tiếp quản nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa.

Trước những hành động xâm chiếm một số đảo ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa do Trung Quốc và Philippines tiến hành vào thời điểm giao thời này, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng phản đối: Ngày 24 tháng 5 và ngày 8 tháng 6 năm 1956, Việt Nam Cộng hòa ra thông cáo nhấn mạnh quần đảo Hoàng Sa cùng với quần đảo Trường Sa “luôn luôn là một phần của Việt Nam” và tuyên bố khẳng định chủ quyền từ lâu đời của Việt Nam.

Ngày 22 tháng 8 năm 1956, Tàu HQ04 của Hải quân Việt Nam Cộng hòa đã ra quần đảo Trường Sa cắm bia chủ quyền, dựng cờ, bảo vệ quần đảo trước hành động xâm chiếm trái phép, vi phạm chủ quyền Việt Nam của Đài Loan và Philippines.

Ngày 20 tháng 10 năm 1956, bằng Sắc lệnh 143/VN Việt Nam Cộng hòa đã đặt quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Phước Tuy.

Năm 1960, Việt Nam Cộng hòa đã có quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Thước, cán bộ hành chính hạng 1 tại Tam Kỳ, Quảng Nam, giữ chức Phái viên hành chính Hoàng Sa; ngày 27 tháng 6 năm 1961,

bổ nhiệm ông Hoàng Yêm giữ chức Phái viên hành chính Hoàng Sa. Ngày 13 tháng 7 năm 1961, VNCH sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào tỉnh Quảng Nam. Ngày 11 tháng 4 năm 1967, VNCH ban hành Nghị định 809 –NĐ-DUHC cử ông Trần Chuân giữ chức phái viên hành chính xã Định Hải (Hoàng Sa), quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Ngày 21 tháng 10 năm 1969, bằng Nghị định số 709-BNV-HCĐP-26 của Thủ tướng VNCH sáp nhập xã Định Hải (quần đảo Hoàng Sa) vào xã Hòa Long, quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 13 tháng 7 năm 1971, tại Hội nghị ASPEC Manila, Bộ trưởng Ngoại giao VNCH Trần Văn Lắm đã tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam.

Ngày 6 tháng 9 năm 1973, Tổng trưởng Nội vụ VNCH ký Nghị định 420-BNV-HCĐP/26 sáp nhập quần đảo Trường Sa vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.

Từ 17 tháng 01 đến 20 tháng 01 năm 1974, Trung Quốc huy động lực lượng quân sự đánh chiếm nhóm phía Tây, quần đảo Hoàng Sa. Mặc dù đã chiến đấu quả cảm, nhiều binh sỹ đã anh dũng hy sinh, quân lực VNCH đã không cản phá được hành động xâm lược của Trung Quốc. Tuy nhiên trên mặt trận ngoại giao VNCH đã lên tiếng phản đối mạnh mẽ trước Liên Hợp Quốc và cộng đồng quốc tế: ngày 19 tháng 01 năm 1974, Bộ Ngoại giao VNCH đã ra Tuyên cáo kêu gọi các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình lên án hành động xâm lược thô bạo của Trung Quốc.

Cũng trong thời gian này, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã tuyên bố nêu rõ lập trường của mình trước sự kiện này:

- Chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc.

- Vấn đề biên giới và lãnh thổ là vấn đề mà giữa các nước láng giềng thường có những tranh chấp do lịch sử để lại.

- Các nước liên quan cần xem xét vấn đề này trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt và phải giải quyết bằng thương lượng.

Ngày 01 tháng 02 năm 1974, VNCH tăng cường lực lượng đóng giữ, bảo vệ quần đảo Trường Sa trong tình hình Trung Quốc tăng cường sức mạnh tiến hành xâm chiếm lãnh thổ mà theo nhận định của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu: “Trung cộng sẽ đánh Trường Sa và xâm chiếm bằng vũ lực giống như Hoàng Sa, có sự tiếp tay hoặc làm ngơ của Mỹ”.

Ngày 02 tháng 7 năm 1974, tại Hội nghị Luật biển lần thứ 3 của LHQ tại Caracas, đại biểu VNCH đã lên tiếng tố cáo Trung Quốc xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa bằng vũ lực và khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam, chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo này là không tranh chấp và không thể chuyển nhượng.

Ngày 14 tháng 02 năm 1975, VNCH công bố Sách trắng về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

d. Việc thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ năm 1975 đến nay

Từ ngày 13 đến 28 tháng 4 năm 1975, các lực lượng Quân đội Nhân dân Việt Nam đã tiếp quản các đảo có quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ, đồng thời triển khai lực lượng đóng giữ các đảo, một số vị trí khác trong quần đảo Trường Sa.

Ngày 05 tháng 06 năm 1975, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 02 tháng 07 năm 1976, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa 6 (1976 - 1981), Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất được bầu vào

ngày 25 tháng 4 năm 1976, đã quyết định đổi tên nước là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoàn toàn có nghĩa vụ quyền hạn tiếp tục quản lý và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Ngày 12 tháng 5 năm 1977, Chính phủ CHXHCN Việt Nam ra tuyên bố về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam, trong đó khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 28 tháng 9 năm 1979, Bộ ngoại giao CHXHCN Việt Nam công bố Sách trắng: chủ quyền Việt nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, trong đó đã giới thiệu 19 tài liệu liên quan đến chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 12 năm 1981, Bộ Ngoại giao VN công bố Sách trắng “Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam”.

Ngày 12 tháng 11 năm 1982, Chính phủ CHXHCN Việt Nam ra Tuyên bố về hệ thống đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải ven bờ lục địa Việt Nam.

Ngày 9 tháng 12 năm 1982, Chính phủ CHXHCN Việt Nam ký Quyết định số 193-HĐBT thành lập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai. Ngày 11 tháng 12 năm 1982, Chính phủ CHXHCN Việt Nam ký Quyết định số 194-HĐBT thành lập huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 12 năm 1982, Quốc hội khóa 7 CHXHCN Việt Nam ra Nghị quyết sáp nhập huyện Trường Sa vào tỉnh Phú Khánh.

Ngày 11 tháng 4 năm 2007, Chính phủ CHXHCN Việt Nam ký Nghị định số 65/NĐ/CP quyết định thành lập 3 đơn vị hành chính trực thuộc huyện Trường Sa:

- Thị trấn Trường Sa, gồm đảo Trường Sa lớn và phụ cận.
- Xã Song Tử Tây, gồm đảo Song Tử Tây và phụ cận.
- Xã Sinh Tồn, gồm đảo Sinh Tồn và phụ cận.

Năm 1988, CHND Trung Hoa đã huy động lực lượng vũ trang đánh chiếm các bãi cạn phía Tây Bắc quần đảo Trường Sa. Chính phủ CHXHCN Việt Nam đã thông báo cho LHQ và gửi các Công hàm tố cáo và phản đối CHND Trung Hoa đã đánh chiếm các bãi cạn thuộc quần đảo Trường Sa: Chữ Thập, Châu Viên, Gaven, Tư Nghĩa, Gạc Ma, Su Bi.

Tháng 4 năm 1988, Bộ Ngoại giao CHXHCN Việt Nam công bố Sách trắng "Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và Luật pháp quốc tế".

Ngày 1 tháng 7 năm 1989, tỉnh Phú Khánh được tách làm 2 tỉnh: Phú Yên và Khánh Hòa, huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Quốc hội CHXHCN Việt Nam ra Nghị quyết phê chuẩn Công ước của LHQ về Luật Biển năm 1982.

Ngày 01 tháng 01 năm 1997, Đà Nẵng tách khỏi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc TW, huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc thành phố Đà Nẵng.

Ngày 25 tháng 4 năm 2009, Thành phố Đà Nẵng công bố quyết định bổ nhiệm ông Đặng Công Ngữ giữ chức Chủ tịch UBND huyện Hoàng Sa...

Cho đến nay, ngoài những hoạt động kể trên, Việt Nam đang đóng giữ và quản lý 21 vị trí tại quần đảo Trường Sa; không ngừng củng cố và phát triển các cơ sở vật chất phục vụ cho đời sống kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của huyện Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

2. Tiếp đến là cách hành xử của những con dân đất Việt đối với phần máu thịt của mình ở giữa Biển Đông...

a. Tuyệt đối chấp hành "mệnh lệnh Vua ban" dù phải hy sinh cả tính mạng, vì nước vong thân...

*Hoàng Sa trời nước mệnh mông
Người đi thì có mà không thấy về*

*Hoàng Sa mây nước bốn bề
Tháng Ba khao lễ thể lính Hoàng Sa”
Hoàng Sa đi có về không,
Lệnh Vua ban phái, quyết lòng ra đi....”*



Từ đình làng An Vĩnh (đảo Lý Sơn), những người con của Tổ quốc đã đi khẳng định chủ quyền quần đảo Hoàng Sa - Ảnh: Quốc Việt/Tuổi trẻ.

b. Bảo vệ, khai thác, dựng xây Hoàng Sa không chỉ vì quyền và lợi ích của mình mà còn vì đồng loại...

“Ân đức dựng xây miền đảo Lý. Nghĩa tình bồi đắp dải Hoàng Sa”.

Đây là câu đối ghi nhận công lao của người dân nơi đây trong việc “bồi đắp dải Hoàng Sa” theo lệnh Vua Chúa mấy trăm năm trước còn mãi lưu lại tại đảo Lý Sơn, căn cứ xuất phát của Đội hùng binh Hoàng Sa.

Sử liệu cũ trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn kể rằng: “Nhà Nguyễn thiết lập đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người ở An Vĩnh bổ sung. Mỗi năm họ luân phiên nhau đi biển, lấy tháng Giêng ra đi nhận lãnh chỉ thị làm sai dịch. Đội Hoàng Sa này được cấp mỗi người sáu tháng lương thực. Họ chèo năm chiếc thuyền câu nhỏ ra

ngoài biển cả ba ngày, ba đêm mới đến đảo Hoàng Sa. Họ tha hồ lượm nhặt, tự ý bắt chim, bắt cá làm đồ ăn. Họ nhặt được những đồ như gươm và ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, thiếc khối, ngà voi...



*Ngôi mộ của Cai đội thủy quân
Hoàng Sa Phạm Hữu Nhật ở Lý Sơn. (Ảnh: Tư liệu)*

Họ còn lượm những vỏ đồi mồi, những con hải sâm, những con ốc hoa thật nhiều. Đến kỳ tháng Tám thì đội Hoàng Sa ấy mới trở về cửa Eo (cửa Thuận An), rồi họ tới thành Phú Xuân trình nạp các vật hạng đã lượm nhặt được. Người ta cân, khám nghiệm và định xong đẳng hạng các sản vật, rồi mới cho đội này bán riêng những con ốc hoa, mai hải ba, hải sâm. Bây giờ, đội ấy được nhận lãnh bằng cấp về nhà...".

Lần giờ lại các sử liệu cũ như *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, *Đại Nam thực lục* do các sử thần trong quốc sử quán biên soạn, *Việt sử cương giám khảo lược* của Nguyễn Thông, *Đại Nam nhất thống chí*... đều có những trang ghi chép cụ thể về đội Hoàng Sa.

Công việc của họ được ghi lại không chỉ là lượm nhặt hải vật, đồ đạc tàu thuyền bị đắm, mà kiêm quản cả đội Bắc Hải cùng làm nhiệm vụ ở Trường Sa và các đảo phía trong Nam. Đặc biệt, đội Hoàng Sa còn làm nhiệm vụ đo đạc thủy trình, canh chừng giặc biển, dựng bia chủ quyền và giữ gìn các hải đảo Hoàng Sa.

Sách *“Đại Nam thực lục”*, chính biên, đệ nhị kỷ, quyển 122 của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép về những sự kiện lịch sử vào tháng 3 năm Minh Mạng thứ 15 (1834), có ghi: “Đội trưởng Trương Phúc Sĩ cùng thủy quân hơn 20 người đi thuyền đến đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi vẽ bản đồ” (Nxb Giáo dục, H. 2004, tập 4, tr.120).

Ở một số trang khác, sách này cũng cho biết, chính năm 1834 vua Minh Mạng đã sai binh lính đi dựng miếu và lập bia ở Hoàng Sa, nhưng vì sóng to gió lớn không làm được, nên vào tháng 6 năm Minh Mạng thứ 16 (1835), sai Cai đội Thủy quân Phạm Văn Nguyên đem thợ Giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định chuyên chở vật liệu đến dựng miếu, dựng bia đá đảo Hoàng Sa (tr. 673). Sách này còn cho biết thêm, vào tháng Giêng năm Minh Mạng thứ 17 (1836), Bộ Công tâu rằng: “Cương giới mặt biển nước ta có xứ Hoàng Sa rất là hiểm yếu, đã phái vẽ bản đồ mà hình thể nó xa rộng, mới chỉ được 1 nơi... Hàng năm nên phái người đi dò xét cho khắp để thuộc đường biển. Xin từ năm nay (1834) trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng Giêng chọn phái binh thủy quân và vệ giám thành đáp 1 chiếc thuyền ô, nhằm thượng tuần tháng Hai thì đến Quảng Ngãi, bắt 2 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định thuê 4 chiếc thuyền của dân, hướng dẫn ra đúng xứ Hoàng Sa. Không cứ là đảo nào, hòn nào, bãi cát nào, khi thuyền đi đến cũng xét xem xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi và nước biển bốn bên xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thể hiểm trở, bình dị thế nào, phải tường tất đo đạc, vẽ thành bản đồ. Lại xét ngày khởi hành, từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào thuyền đi, tính ước được bao

nhiều dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ bến, đối thẳng vào là tinh hạt nào, phương hướng nào, đối chênh chếch là tinh hạt nào, phương hướng nào, cách bờ biển chừng bao nhiêu dặm. Nhất nhất nói cho rõ, đem về dâng trình” (tr.867). Chuẩn theo lời tấu của Bộ Công, vua Minh Mạng sai Suất đội Thủy quân Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền cùng 10 bài gỗ, mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc, mặt khắc chữ: “Minh Mạng thập thất niên, Bính Thân, Thủy quân Chánh đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật phụng mệnh vãng Hoàng Sa tương độ chí thử lưu đăng tự” (Năm Minh Mạng thứ 17, năm Bính Thân (1836), Thủy quân Chánh đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật vâng mệnh đi Hoàng Sa xem xét, đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ). Có lẽ, đây là sự kiện mà hầu hết các bộ chính sử của triều Nguyễn, như “Đại Nam thực lục”, “Quốc triều chính biên toát yếu”, “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ... đều có ghi chép.

Ngoài những trang ghi chép về sự kiện đi Hoàng Sa vào các năm 1834, 1835, 1836, sách “Đại Nam thực lục”, đệ nhị kỷ, quyển 204, còn ghi chép thêm rằng, phái viên Hoàng Sa là Suất đội Thủy sư Phạm Văn Biện cùng thủy quân, binh phu đi Hoàng Sa bị gió bão đánh tan nát nên đến tháng 7 năm Minh Mạng thứ 20 (1839) mới “lục tục” về đến kinh thành.

3. Trong khi đó, Trung Quốc lại hành xử hoàn toàn trái ngược. Họ đã tranh giành chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng sa và Trường Sa bằng súng đạn, lưới lê, vôi rồng, dâm húc...

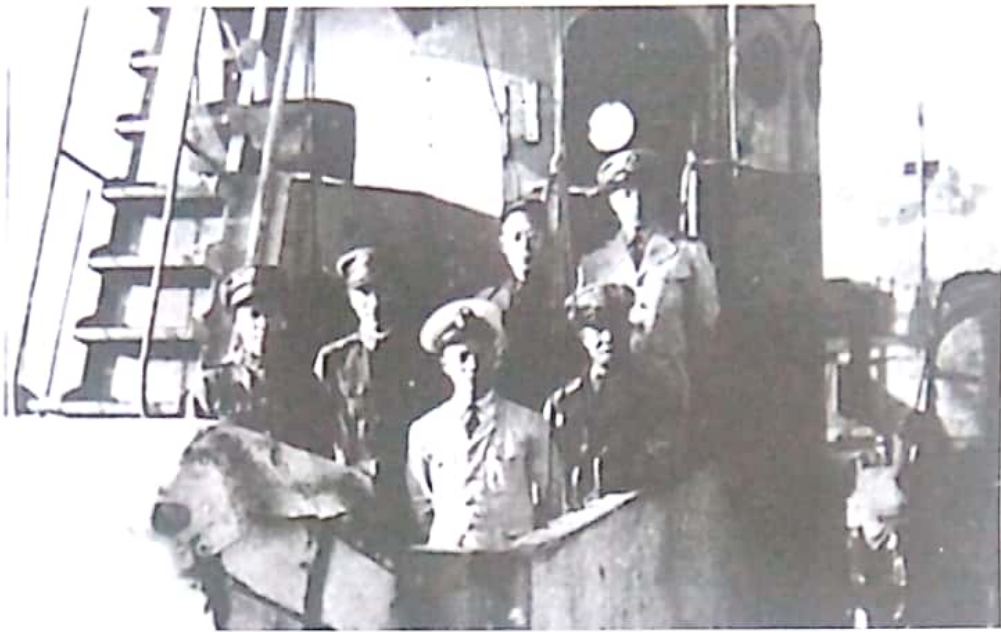
Lần thứ 1:

Trung Quốc đã nhảy vào chiếm đoạt quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam ngay từ đầu năm 1909, mở đầu là sự kiện Đô đốc Lý Chuẩn chỉ huy 3 pháo thuyền ra khu vực quần đảo Hoàng Sa, đổ bộ chớp nhoáng lên đảo Phú Lâm, sau đó phải rút lui vì sự hiện diện của quân đội viễn chinh Pháp với tư cách là lực lượng được Chính quyền Pháp, đại diện cho nhà nước Việt Nam về đối ngoại, giao nhiệm vụ bảo vệ, quản lý, thực thi chủ quyền tại quần đảo này.



Lần thứ 2.

Lợi dụng việc giải giáp quân đội Nhật Bản thua trận trong Thế chiến 2 và Việt Nam vừa giành được độc lập và đang phải đối mặt với bọn bè khó khăn, năm 1946 chính quyền Trung Hoa Dân quốc (Tướng Giới Thạch) đưa lực lượng ra chiếm đóng trái phép nhóm đảo phía Đông quần đảo Hoàng Sa và yêu sách “chủ quyền”.



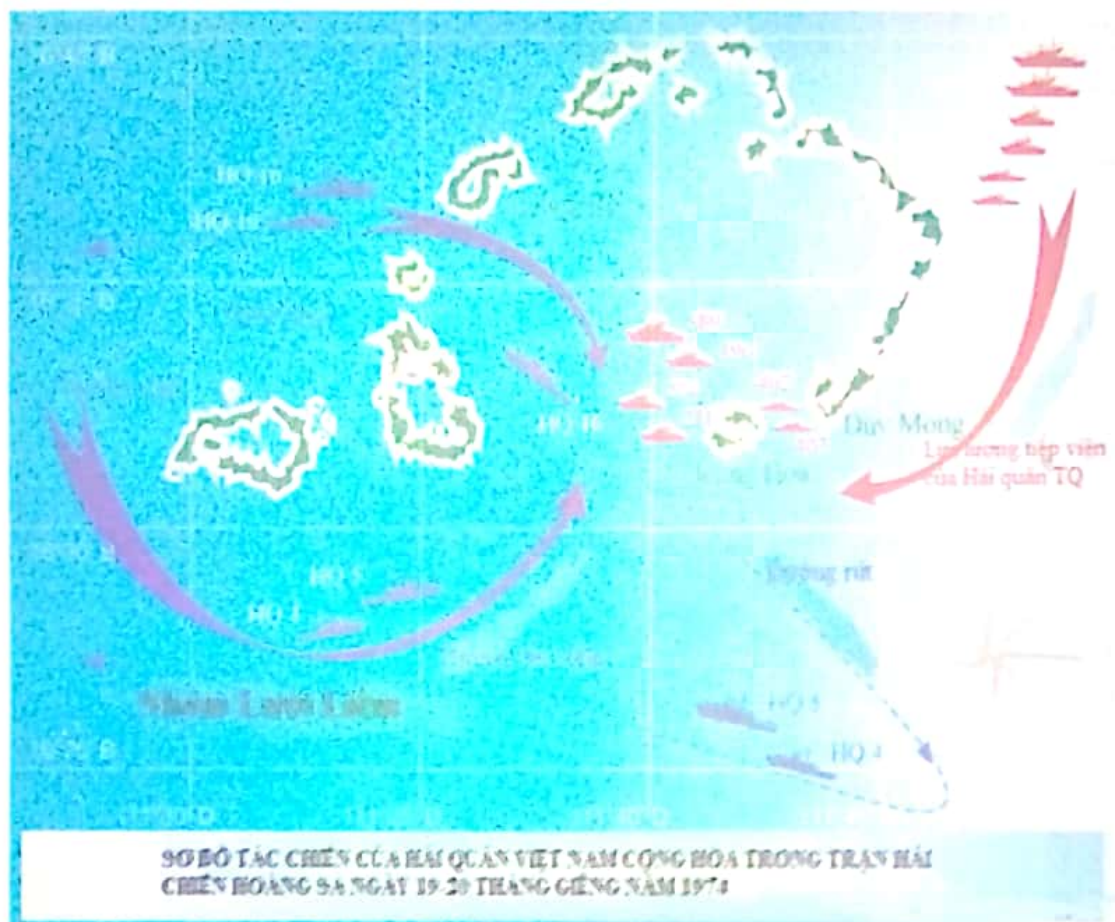
Lần thứ 3:

Khi Trung Hoa Dân quốc bị đuổi khỏi Hoa lục chạy ra Đài Loan, họ phải rút luôn số quân đang chiếm đóng bất hợp pháp ở phía Đông quần đảo Hoàng Sa.

Tham vọng bành trướng lãnh thổ của người TQ trên biển Đông vẫn không dừng lại mà chỉ chực có cơ hội là thừa thế đánh chiếm. Năm 1956, lợi dụng tình hình quân đội Pháp phải rút khỏi Đông Dương theo quy định của Hiệp định Geneva và trong khi chính quyền miền Nam Việt Nam chưa kịp tiếp quản quần đảo Hoàng Sa theo như thỏa thuận của hiệp định này, TQ đã thừa cơ đưa quân ra chiếm đóng bất hợp pháp nhóm đảo An Vĩnh, phía Đông quần đảo Hoàng Sa.

Lần thứ 4.

Tháng Giêng năm 1974, một trận hải chiến không cân sức đã xảy ra giữa một bên là kẻ xâm lược và một bên là những người con Đất Việt đã anh dũng lao vào trận hải chiến để bảo vệ mảnh đất thiêng liêng của Mẹ Việt Nam giữa trùng khơi biển Đông. Đó là trận hải chiến Hoàng Sa năm 1974, một dấu ấn bi hùng không bao giờ phai trong lịch sử đấu tranh gìn giữ và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của dân tộc Việt Nam.



Lần thứ 5

Năm 1988, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa huy động lực lượng đánh chiếm 6 vị trí, là những bãi cạn nằm về phía Tây Bắc Trường Sa, ra sức xây dựng, nâng cấp, biến các bãi cạn này thành các điểm đóng quân kiên cố, như những pháo đài trên biển.



Lần thứ 6.

Năm 1995, CHND Trung Hoa lại huy động quân đội đánh chiếm đá Vành Khăn, nằm về phía Đông Nam Trường Sa. Hiện nay họ đang sử dụng sức mạnh để bao vây, chiếm đóng bãi cạn Cỏ Mây, nằm về phía Đông, gần với đá Vành Khăn, thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Như vậy, tổng số đảo, đá, bãi cạn mà phía Trung Quốc (kể cả Đài Loan) đã dùng sức mạnh để đánh chiếm ở quần đảo Trường Sa cho đến nay là 9 vị trí. Đài Loan chiếm đóng đảo Ba Bình là đảo lớn nhất của quần đảo Trường Sa và mở rộng thêm 1 bãi cạn rạn san hô, bãi cạn Bàn Than.



Như vậy, “chủ quyền” của Trung Quốc được xác lập bằng vũ lực là hoàn toàn bất hợp pháp:

Một là, hành động đánh chiếm các đảo trong quần đảo ở biển Đông bằng vũ lực là một sự vi phạm nghiêm trọng Điều 2 Khoản 4 của Hiến chương Liên Hiệp Quốc, trong đó cấm các quốc gia sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là cấm sử dụng vũ lực để xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác. Nội dung điều khoản này trong Hiến chương Liên hợp quốc là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, đòi hỏi tất cả các nước thành viên của Tổ chức Liên hợp quốc, trong đó có Trung Quốc, phải tuân thủ.

Nguyên tắc này được phát triển và cụ thể hoá trong Nghị quyết 2625 ngày 24 tháng 10 năm 1970 của Đại hội đồng Liên hợp quốc trong đó quy định: *“Các quốc gia có nghĩa vụ không đe dọa hay sử dụng vũ lực để vi phạm các biên giới quốc tế hiện có của một quốc gia khác, hay (coi đe dọa hay sử dụng vũ lực) như biện pháp giải quyết các tranh*

chấp quốc tế, kể cả những tranh chấp về đất đai và những vấn đề liên quan đến biên giới của các quốc gia”.

Hai là, hành động Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm phần phía Đông của quần đảo Hoàng Sa năm 1956 và chiếm nốt phần phía Tây của quần đảo này năm 1974 thực chất là một hành động xâm lược lãnh thổ của Việt Nam.

Ba là, theo luật pháp quốc tế việc Trung Quốc sử dụng vũ lực để chiếm các đảo ở quần đảo Hoàng Sa không tạo ra được chứng cứ pháp lý để khẳng định chủ quyền của Trung Quốc đối với các đảo, mà họ đã dùng vũ lực để chiếm đoạt. Nghị quyết 2625 ngày 24/10/1970 của Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc được trích dẫn ở trên đã nêu rõ: *“Lãnh thổ của một quốc gia không thể là đối tượng của một cuộc chiếm đóng quân sự do sử dụng vũ lực trái với các quy định của Hiến chương Liên Hợp Quốc. Lãnh thổ của một quốc gia không thể là đối tượng của một sự chiếm hữu của một quốc gia khác sau khi dùng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực. Bất kỳ sự thụ đắc lãnh thổ nào đạt được bằng đe dọa hay sử dụng vũ lực sẽ không được thừa nhận là hợp pháp”.*

Hành động xâm lược nói trên không bổ sung vào bộ hồ sơ pháp lý về chủ quyền của Trung Quốc ở biển Đông. Những hành động như vậy đã bị cộng đồng quốc tế lên án mạnh mẽ và chắc chắn sẽ bị các toà án quốc tế bác bỏ một khi chúng được đưa ra tòa án quốc tế nhằm minh chứng cho chủ quyền của Trung Quốc ở biển Đông.

III. Giá trị của văn hóa ứng xử trong không gian văn hóa quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong bối cảnh hiện nay?

1. Có thể nói rằng, những cứ liệu nói trên đã góp phần cung cấp và chứng minh một cách sinh động về một trong những nét văn hoá ứng xử của người Việt đã được hình thành qua 4.000 năm dựng nước và giữ nước. Cái đẹp trong văn hoá ứng xử được cha ông ta lưu giữ, truyền lại từ đời này sang đời khác. Ngày nay, mặc dù xã hội đã có nhiều thay

đổi nhưng giao tiếp ứng xử vẫn có tầm quan trọng đặc biệt. Nó tạo nên các mối quan hệ đẹp có văn hóa, có đạo đức trong cộng đồng dân cư, trong quan hệ mang tầm quốc gia, quốc tế, trong tình bạn trong tình yêu, trong gia đình, trong nhà trường, trong kinh doanh, đàm phán - thương lượng khi có những bất đồng có thể dẫn đến xung đột, nhất là trên lĩnh vực bảo vệ, quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia... Giao tiếp ứng xử có văn hoá, có đạo đức là cơ sở để có những mối quan hệ thân thiện trong cộng đồng, quan hệ chính trị hữu nghị, bền vững giữa các quốc gia, quan hệ tình nghĩa trong gia đình, quan hệ hợp tác trong kinh doanh... là cơ sở để tạo ra môi trường chính trị, xã hội có lợi cho đất nước, cho dân tộc, cho cộng đồng,...

Nét đẹp trong văn hoá ứng xử của con người Việt Nam là cái đẹp mang tính nhân dân, phục vụ đại đa số nhân dân. Cái đẹp mang tính dân tộc, nó phản ánh cái đẹp riêng của con người Việt Nam, nó được thể hiện bằng lòng yêu nước, thương nòi, ý chí quật cường trong sự nghiệp dựng nước và bảo vệ đất nước. Cái đẹp đó còn mang tính nhân loại vì nó là tia sáng mà tất cả mọi người trên hành tinh này muốn hướng tới. Cái đẹp đó đậm đà bản sắc dân tộc, bởi bản sắc đó là cái lõi, cái hồn đất, hồn nước, tinh hoa của dân tộc,...

2. Suy nghĩ về việc phát huy nét đẹp văn hóa ứng xử của người Việt Nam trong tình hình hiện nay...

a. Cốt lõi của văn hóa ứng xử trên biển Đông là phải chấp hành các quy định, các nguyên tắc của pháp luật quốc tế hiện hành, tôn trọng Công ước của LHQ về Luật Biển năm 1982; tôn trọng các quyền và lợi ích chính đáng của các quốc gia khác; phải ứng xử văn minh và nhân đạo theo đúng truyền thống của những người đi biển là đầy lòng bao dung, rộng lượng, sẵn sàng chia sẻ ngọt bùi, cứu giúp lẫn nhau vô điều kiện khi gặp nạn trên biển,... Rõ ràng những hành động vừa qua do TQ tiến hành đã đi ngược lại những tiêu chuẩn tối thiểu của văn hóa ứng xử trên biển... Cho nên, ngoài vấn đề an ninh ra thì vấn đề văn hóa ứng xử trên Biển Đông đúng là đang bị coi nhẹ, mà cụ thể là

· một nước lớn, giữ ghế Thường trực Hội đồng Bảo an LHQ như TQ lại là “tội đồ” trong vấn đề này.

b. Ứng xử văn hóa theo đúng nghĩa của nó trong xã hội văn minh hiện đại ngày nay không phải chỉ là chữ “*tình*” mà phải trên cơ sở chữ “*lý*” có kết hợp với chữ “*tình*”. Cái lý mới là cái cốt lõi của ứng xử văn hóa và mới tránh được tình trạng “bằng mặt mà không bằng lòng”, đây mới là cơ sở của “niềm tin chiến lược”, mới là chỗ dựa cho mọi mối bang giao thực chất, bền vững, trường tồn. Cha ông ta vẫn nhắc nhở: “Thương yêu nhau thì phải rào giậu cho kỹ”, tức là muốn tránh sự tranh chấp thì trước hết phải phân định rõ ràng, mà phải bằng luật pháp, chứ không thể vì nể nhau mà bỏ qua được những nguyên tắc luật pháp, nhất là vấn đề biên giới, lãnh thổ, lãnh hải,... Vấn đề của ta với TQ trên biển Đông hiện nay, muốn giải quyết được, nhất định phải bằng luật pháp quốc tế chứ không thể vì nể mà cố giữ chữ “*tình*”...

c. Quan niệm hết sức sai lầm, là kiểu tư duy cổ hủ, lạc hậu: “*trăm cái lý không bằng một tí cái tình*”, hoặc “*chân lý thuộc về kẻ mạnh*”... những điều mà nay đã không còn phù hợp. Trong xã hội dân sự hiện đại, việc sử dụng các cơ quan tài phán để bảo vệ chân lý, sự thật là điều hết sức bình thường, là văn minh, tiến bộ và đó là cách ứng xử sòng phẳng, bình đẳng,... Chính nhờ việc “*kiện*”, hay nói cách khác là khi có tranh chấp về quyền lợi mà không thể thỏa thuận được với nhau thì phải đưa ra tòa án để phân xử đúng sai rạch ròi thì mới là cơ sở để bảo đảm cho mối quan hệ “*anh em*” được sòng phẳng, đúng mực, thực chất, bền lâu không giả dối; đó cũng là cơ sở để tạo sự bền vững trong duy trì mối quan hệ bang giao. Ngay trong lời đầu tiên của Công ước LHQ về Luật Biển – 1982 đã ghi rõ: “*Với lòng mong muốn giải quyết, trên tinh thần hiểu biết và hợp tác với nhau, mọi vấn đề liên quan đến luật biển, và ý thức được tầm vóc lịch sử của Công ước là một cống hiến quan trọng vào việc giữ gìn hòa bình, công lý và tiến bộ cho tất cả các dân tộc trên thế giới*”. Cho nên, theo tôi đây mới là “*thấu lý, đạt tình*” với đúng nghĩa của nó!

d. Đấu tranh pháp lý đòi hỏi phải có sự chuẩn bị, có sự nghiên cứu phân tích một cách khoa học, khách quan, phải có kiến thức

pháp lý thâu đảo; và phải tuân thủ các thủ tục rất phức tạp... cho nên không thể một sớm một chiều được, nó là công việc lâu dài, bền bỉ, phải được tổ chức tập trung nghiên cứu thực hiện một cách nghiêm túc bởi đội ngũ những luật sư, luật gia có trình độ ở cả trong và ngoài nước. Đương nhiên, phải trên cơ sở đó mới tạo được sự đồng thuận trên dưới, trong ngoài. Điều quan trọng là chúng ta có chính nghĩa, có lợi thế về mặt pháp lý và chúng ta phải nghiêm túc tuân thủ mọi thủ tục theo quy định của luật pháp quốc tế để phát huy được lợi thế đó. Cuộc đấu tranh pháp lý của ta chắc chắn sẽ lâu dài, khó khăn, phức tạp; song chúng ta tin tưởng vững chắc rằng phần thắng sẽ thuộc về chúng ta, bởi ngoài sự đúng đắn được luật pháp quốc tế bảo vệ, chúng ta còn có sự ủng hộ vô cùng to lớn của cộng đồng quốc tế khắp năm châu, bốn biển, đã và đang lên tiếng đòi TQ phải thu cái "lưỡi bò" đang liếm sát bờ biển của các nước xung quanh biển Đông, để giữ cho biển Đông luôn được sóng yên, biển lặng...

